

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

Bản án số: 214/2022/DS-PT

Ngày: 14/11/2022

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài
sản

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhiên

Các thẩm phán: Bà Đặng Thị Bích Vân

Ông Võ Văn Linh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:
Ông Cao Phương Bình - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 08 và 14 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 132/2022/TLPT-DS ngày 12 tháng 10 năm 2022, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

Do bản án dân sự sơ thẩm số 26/2022/DS-ST ngày 05/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 190/2022/QĐPT-DS ngày 21 tháng 10 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Hà Quốc D, sinh năm 1962 (Có mặt)

Bà Nguyễn Thị Kiều O, sinh năm 1976 (Có mặt)

Cùng địa chỉ: ấp A, xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

- Bị đơn: Ông Ngô Thuận H, sinh năm 1978 (Có mặt)

Bà Lê Thanh H1, sinh năm 1978 (Có mặt)

Cùng địa chỉ: khu phố P, thị trấn G, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Luật sư Phạm Hoàng K
- Văn phòng luật sư Phạm Hoàng K, thuộc Đoàn luật sư tỉnh K (Có mặt).

- Người kháng cáo: Nguyên đơn Ông Hà Quốc D, bà Nguyễn Thị Kiều O và bị đơn ông Ngô Thuận H, bà Lê Thanh H1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 29/10/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Hà Quốc D và bà Nguyễn Thị Kiều O trình bày:

Vợ chồng ông bà có cho vợ chồng ông Ngô Thuận H và bà Lê Thanh H1 vay nhiều lần với tổng số tiền là 637.800.000 đồng. Khi cho vay bà H1 và ông H có ký giấy nợ cho vợ chồng ông bà. Giấy nợ do bà H1 tự tay ghi và ký tên. Tổng số tiền 637.800.000 đồng, gồm có các biên nhận sau:

- Biên nhận ngày 01/9/2018, vợ chồng bà H1 vay 200.000.000 đồng. Mục đích vay bà H1 nói đảo hạn ngân hàng.

- Biên nhận ngày 14/10/2018, vợ chồng bà H1 vay 100.000.000 đồng. Mục đích vay bà H1 nói phải làm hồ sơ thiết kế để vay số tiền cao hơn sẽ trả lại cho vợ chồng ông bà 100.000.000 đồng.

- Biên nhận ngày 09/11/2018, vợ chồng bà H1 tiếp tục vay 200.000.000 đồng. Mục đích vay bà H1 nói do lãnh đạo ngân hàng về đơn vị khác bà H1 phải lo hồ sơ nên huy tiền lần này bà H1 có đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và hồ sơ cho vợ chồng ông bà xem. Đến tháng 12/2018, bà H1 đến nhà vợ chồng ông bà khóc và nói ngân hàng không cho vay nên bà H1 không có tiền trả cho vợ chồng ông bà và hứa sẽ bán vườn tiêu ở xã V để trả tiền cho vợ chồng ông bà, vợ chồng ông bà thấy bà H1 cũng lo làm ăn nên mới giúp. Biên nhận này vợ chồng bà H1, ông H cùng ký.

- Biên nhận ngày 16/3/2019, bà H1 tiếp tục vay của vợ chồng ông bà số tiền 70.000.000 đồng. Mục đích vay bà H1 nói không có tiền trả người ta sẽ thừa bà mất việc, bà H1 nói khi trường tiểu học về là bà làm ăn được sẽ trả hết cho vợ chồng ông bà.

- Biên nhận ngày 16/10/2019, bà H1 vay 25.000.000 đồng. Mục đích vay bà H1 nói kẹt làm công trình sẽ trả lại khi công trình xong.

- Biên nhận ngày 29/11/2019, bà H1 vay 22.600.000 đồng. Mục đích vay đóng lãi ngân hàng.

- Biên nhận ngày 29/5/2020, bà H1 vay 20.200.000 đồng. Mục đích vay đóng lãi ngân hàng, bà H1 chuẩn bị vay ngân hàng hứa sẽ trả hết cho vợ chồng ông bà, nhưng bà H1 không vay được nên bà H1 hứa bán đất và nhà để trả cho vợ chồng ông bà.

Vợ chồng ông D, bà O thừa nhận từ khi vay cho đến nay, vợ chồng bà H1, ông H chỉ trả cho vợ chồng ông bà 30.800.000 đồng tiền lãi. Nay vợ chồng ông bà yêu cầu vợ chồng bà H1 và ông H trả cho vợ chồng ông bà yêu cầu tính lãi suất như sau:

- Biên nhận ngày 01/9/2018, số tiền 200.000.000 đồng, lãi suất tính từ ngày 8/9/2018 đến ngày 28/6/2022 bằng 45 tháng 21 ngày, với lãi suất 1%/tháng, số tiền bằng 91.400.000 đồng.

- Biên nhận ngày 14/10/2018, số tiền 100.000.000 đồng, lãi suất tính từ ngày 14/10/2018 đến ngày 28/6/2022 bằng 44 tháng 15 ngày, với lãi suất 1%/tháng, số tiền bằng 44.500.000 đồng.

- Biên nhận ngày 09/11/2018, số tiền 200.000.000 đồng, lãi suất tính từ ngày 9/11/2018 đến ngày 28/6/2022 bằng 43 tháng 20 ngày, với lãi suất 1%/tháng, số tiền bằng 87.300.000 đồng.

- Biên nhận ngày 16/3/2019, số tiền 70.000.000 đồng, lãi suất tính từ ngày 16/3/2019 đến ngày 28/6/2022 bằng 39 tháng 13 ngày, với lãi suất 1%/tháng, số tiền bằng 27.600.000 đồng.

- Biên nhận ngày 16/10/2019, số tiền 25.000.000 đồng, lãi suất tính từ ngày 16/10/2019 đến ngày 28/6/2022 bằng 32 tháng 13 ngày, với lãi suất 1%/tháng, số tiền bằng 8.100.000 đồng.

- Biên nhận ngày 29/11/2019, số tiền 22.600.000 đồng, lãi suất tính từ ngày 29/11/2019 đến ngày 28/6/2022 bằng 31 tháng, với lãi suất 1%/tháng, số tiền bằng 7.000.000 đồng.

- Biên nhận ngày 29/5/2020, số tiền 20.200.000 đồng, lãi suất tính từ ngày 29/5/2020 đến ngày 28/6/2022 bằng 25 tháng, với lãi suất 1%/tháng, số tiền bằng 5.000.000 đồng.

Vợ chồng ông **D**, bà **O** xác định qua 07 lần vay tiền, thì ông **H** chỉ có nhận tiền và ký biên nhận 01 lần vào ngày 09/11/2018 với số tiền 200.000.000 đồng, 06 lần còn lại do bà **H1** nhận tiền và ký biên nhận, tuy nhiên ông **H** là người chở bà **H1** đến nhà vợ chồng ông bà vay tiền.

Đối với số tiền bà **H1** đã chuyển khoản cho vợ chồng ông bà là các giao dịch dân sự khác có biên nhận riêng không liên quan đến số tiền vợ chồng ông bà khởi kiện, gồm tiền hụi và tiền vay mượn khác.

Do bà **H1** đã hứa hẹn rất nhiều lần nhưng không thực hiện. Sáng ngày 26/10/2020, vợ chồng ông bà đến gặp ông **H** chồng bà **H1** để nói chuyện thì ông **H** lớn tiếng, đuổi vợ chồng ông bà ra khỏi nhà và thách thức vợ chồng ông bà đi kiện. Vợ chồng ông bà cũng có đưa đơn đến **Phòng Tài chính kế hoạch huyện G** nhờ lãnh đạo cơ quan giúp đỡ. Ngày 30/10/2020, lãnh đạo **Phòng Tài chính kế hoạch huyện G** có mở cuộc họp gặp mặt các bên nhưng bà **H1** cũng không chịu trả tiền cho vợ chồng ông bà.

Nay ông bà yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng bà **H1**, ông **H** phải trả cho vợ chồng ông bà số tiền còn nợ gốc bằng 637.800.000 đồng và lãi suất bằng 240.100.000 đồng, tổng cộng bằng 877.900.000 đồng.

*Bị đơn bà **Lê Thanh H1** trình bày:*

Từ tháng 01/2018, bà có vay của bà **O** trước sau tổng số tiền là 300.000.000 đồng. Mục đích vay để đáo hạn ngân hàng vì giấy chứng nhận QSD đất đã thế chấp vay ngân hàng rồi, bà lấy giấy chứng nhận QSD đất ra để làm thủ tục nhà gắn liền với đất để vay tiền.

Trong quá trình làm hồ sơ bà bị vướng do cất nhà không đúng công năng của đất, nên thủ tục phải xin phép và điều chỉnh, thời gian kéo dài, cộng thêm nhà gắn liền với đất do tỉnh cấp sổ, tổng cộng cũng gần 01 năm mới hoàn tất. Việc vay mượn của bà được bà O tính lãi 1.000.000 đồng = 5.000 đồng/ngày, (cứ 7 đến 10 ngày thì bà O tính lãi một lần, nếu không có tiền trả thì ghi biên nhận), có biên nhận thì bà O tính lãi 7%/tháng, 10%/tháng ... có cả mấy chục %/tháng, bà O nói tiền lãi bao nhiêu thì bà đưa bấy nhiêu, đến lúc bà không có tiền đóng lãi thì bà O yêu cầu bà phải viết biên nhận lãi thành nợ gốc và tiếp tục tính lãi. Khi bà hoàn tất thủ tục giấy tờ và vay ngân hàng bà đã chuyển trả cho bà O 450.000.000 đồng vào ngày 22/8/2018, nhưng bà O cho rằng vẫn chưa đủ số tiền bà phải trả. Bà O yêu cầu bà tiếp tục viết biên nhận cụ thể như sau:

- Biên nhận ngày 01/9/2018, bà O yêu cầu bà phải viết nợ bà 200.000.000 đồng, sự thật bà không có nhận tiền. Do số tiền bà O cho vay chưa tính lãi xong, bà phải trả tiếp tục, bà không đủ tiền trả nên bà phải viết và ký biên nhận nợ tại nhà bà O.

- Biên nhận ngày 14/10/2018, bà O tiếp tục tính lãi bằng 100.000.000 đồng. Bà O kêu bà viết theo nội dung của bà O nói là tiền này bà O vay ngân hàng nên chia lại giúp bà đóng lãi cho người ta, vì hiện tại tiền lãi của biên nhận ngày 01/9/2018 không phải của bà O nên bà có ghi biên nhận và ký tên nhưng bà không có nhận tiền.

- Biên nhận ngày 09/11/2018, trong biên nhận này bà có nhận 50.000.000 đồng + tiền lãi của 02 biên nhận ngày 01/9/2018 và 14/10/2018 = 50.000.000 đồng + số tiền của biên nhận ngày 14/10/2018, tổng cộng bằng 200.000.000 đồng. Bà viết biên nhận theo yêu cầu của bà O.

- Biên nhận ngày 16/3/2019, số tiền 70.000.000 đồng, lúc này bà khó khăn nên không có tiền đóng lãi cho bà O. Bà O yêu cầu bà viết biên nhận và ghi theo nội dung bà O gợi ý là nhận tiền của chị N, nhưng thật sự bà không có nhận tiền, nếu bà không ghi theo yêu cầu của bà O thì bà O sẽ báo cho chồng bà biết, vì sự bình yên của gia đình nên bà làm theo yêu cầu của bà O (có cuộc giao dịch điện thoại giữa 02 số điện thoại của bà O và bà H1 trước đó).

Kết thúc giai đoạn này, bà O thấy kinh tế của bà suy yếu nên bàn bạc với bà gom tất cả các biên nhận lại thành 500.000.000 đồng (gồm 03 biên nhận ngày 01/9/2018 số tiền 200.000.000 đồng + ngày 09/11/2018 số tiền 200.000.000 đồng và ngày 16/3/2019 số tiền 70.000.000 đồng, tổng cộng bằng 470.000.000 đồng, bà O tính lãi thêm 30.000.000 đồng thành số tiền 500.000.000 đồng, còn biên nhận ngày 14/10/2018 thì các bên đã tự hiểu không còn giá trị nên không đề cập). Vợ chồng bà O đưa cho bà tờ giấy A4 ghi phương án lãi giảm dần 3% và yêu cầu bà phải trả trong vòng 05 năm với lãi suất 3%/tháng, bắt đầu từ ngày 28/3/2019, trả lãi và gốc giảm dần hàng tháng. Hai bên đã thống nhất và bà đã thực hiện trả nợ nhưng bà O không giao các biên nhận trên lại cho bà. Sau đó, bà O lại cho rằng số tiền 70.000.000 đồng là khoản riêng không gộp chung vào 500.000.000 đồng đó được, buộc bà phải trả số tiền đó riêng, không thì phải đóng lãi 3%/tháng vào ngày 16 hàng tháng, nếu bà cự lại bà O sẽ cho chồng bà hay, bà O biết điểm yếu của bà

nên lúc nào cũng chèn ép, uy hiếp bà nên bà phải làm theo bà O thì bà O mới giữ im lặng.

- Biên nhận ngày 16/10/2019, số tiền 25.000.000 đồng, là biên nhận phát sinh, do bà có nhờ bà O tham gia hội của ông T ở xã Đ 01 chân hội 5.000.000 đồng, áp ngày 19/12/2017, đây hội có 24 chân, đến ngày 19/11/2019, ông T trốn khỏi địa phương nên trong 02 tháng bà không gửi tiền đóng hội (tháng 8 +9). Bà O cho rằng tiền hội của ông T là tiền bà O hỏi của người khác đóng cho bà luôn 04 tháng là kết thúc đây hội nên yêu cầu bà viết biên nhận có nhận số tiền 25.000.000 đồng. Bà nghĩ có chơi có chịu nên bà viết biên nhận với bà O là 25.000.000 đồng, nhưng thực sự tới thời điểm đó đây hội chưa mãn và bà O yêu cầu bà có tiền thì trả một lần nếu không thì đóng lãi 3%/tháng vào ngày 16 hàng tháng, ông D là người đi lấy tiền lãi.

- Biên nhận ngày 29/11/2019 với số tiền 22.600.000 đồng, số tiền này nằm trong thỏa thuận trả nợ gốc và lãi giảm dần hàng tháng nhưng do tháng 11 bà kẹt tiền nên không chuyển được nên bà O ép bà viết biên nhận, đến ngày 25/12/2019 bà có chuyển tiền cho bà O, bà O yêu cầu bà phải trả lãi cho 27 ngày chậm trễ với số tiền 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, bà tính nhằm lãi có 3.020.000 đồng nên chỉ chuyển cho bà O 25.620.000 đồng, bà chuyển xong bà O cũng không trả biên nhận lại cho bà.

- Biên nhận ngày 29/5/2020, số tiền 20.200.000 đồng, đây cũng là số tiền nằm trong thỏa thuận trả dần, tháng 05/2020 bà không có tiền trả cho bà O nên bà O ép bà viết biên nhận nhưng bà không có nhận tiền.

Bà trả cho bà O là trên 01 tỷ đồng, trong đó đưa bằng tiền mặt không có giấy tờ là trên 300.000.000 đồng, người đi lấy tiền thường xuyên là ông Hà Quốc D. Bà có hỏi biên nhận 100.000.000 đồng ngày 14/10/2018 để lấy lại hủy bỏ thì bà O nói để trong cuốn tập lục đầu mất rồi, kiểm lại trả sau. Bà có nhắc bà O vài lần thì bà O nói yên tâm đi rồi là rồi không sao đâu, bà nghĩ bà O nói thất lạc rồi xem như xong không ngờ bà O lại lấy ra kiện bà. Trong biên nhận này có chữ ký của ông H chồng bà là do bà O buộc ông H phải ký tên thì bà mới đưa tiền, nếu ông H không ký thì bà O không giao tiền nên bà đưa biên nhận cho ông H ký nhưng bà không nói nội dung gì với ông H, lúc ký chồng bà cũng không xem nội dung (ký tại chuồng heo nhà bà O). Nhiều lần bà đòi biên nhận cũ thì ông D nói bà O đang họp nên không trả biên nhận cho bà được để gửi sau.

Với số tiền bà chuyển trả như vậy bà O vẫn chưa đồng ý, thời gian gần đây do bà làm ăn thua lỗ nên không có tiền trả lãi kịp cho bà O theo thỏa thuận, bà O ép bà phải ký biên nhận ngày 07/9/2020 đóng lãi với số tiền 173.000.000 đồng do bà O soạn nội dung, bà không ký bà O nói nếu bà không ký bà O sẽ báo cho chồng bà biết, quây ở cơ quan, báo lãnh đạo cơ quan bà biết, thấy mặt đâu là đòi tiền đó cho mất việc luôn, đưa xã hội đen đến quây cho bà khỏi ở nhà chỗ đó luôn nhưng bà vẫn không ký.

Đến ngày 23/10/2020 bà O ép bà ký thêm 01 biên nhận nữa do bà O soạn sẵn nội dung số tiền 642.475.000 đồng, bà không ký, bà O hăm dọa bà đủ điều rằng sẽ báo lãnh đạo cơ quan bà, quây cho bà mất việc, đồng thời sẽ gửi đơn qua

Tòa án thừa bà làm cho bà không còn uy tín ở đây nữa Ngoài những lần gặp mặt đe dọa, ông D, bà O còn đe dọa bà trên điện thoại, đem ông bà của bà ra chửi bới, nhục mạ bà đủ điều.

Nay bà khẳng định, bà có giao dịch với bà O và nhận của bà O trước sau 300.000.000 đồng là sự thật. Tính từ tháng 01/2018 đến ngày 04/5/2020 bà đã chuyển và trả tiền mặt cho vợ chồng bà O, ông D có giấy tờ giao dịch với số tiền 776.120.000 đồng. Do đó, bà O kiện theo các biên nhận yêu cầu bà trả số tiền 637.800.000 đồng, là không đúng sự thật. Thực tế trong 07 biên nhận bà O kiện bà thì bà thực nhận chỉ có 70.000.000 đồng, đó là 50.000.000 đồng vào ngày 09/11/2019 và 20.000.000 đồng vào ngày 16/10/2019 tiền hội.

Bà không đồng ý theo yêu cầu của bà O vì:

- Phần tiền còn lại là lãi thành gốc và một số biên nhận đã thanh toán xong nhưng bà O không trả lại cho bà.

- Thực tế số tiền bà O yêu cầu bà trả là tiền lãi của các đợt trước, bà không đóng lãi kịp thời cho bà O nên phải ghi biên nhận nhận nợ chứ sự thật bà không nhận tiền, do muốn gia đình yên ổn, vì sĩ diện, sợ bà O làm lớn chuyện sẽ mất mặt với những người xung quanh nên bà chấp nhận ký biên nhận.

- Trong giao dịch bà O không làm đúng hợp đồng đã thỏa thuận giữa các bên là 05 năm nhưng mới 02 năm bà O đã kiện bà ra tòa.

- Trước khi gửi đơn đến Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, bà O đã gửi đơn đến cơ quan nơi bà làm việc là Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện G. Cơ quan bà có mời hai bên đối chất, bà O có thừa nhận cho bà mượn 300.000.000 đồng là gốc ban đầu, sau đó ông D chồng bà O không đồng ý câu nói đó, yêu cầu gạt bỏ ý này. Tiền bà nhận từ tay bà O chứ ông D không có đưa tiền cho bà, trong lúc bà O đưa tiền cho bà vay cũng không có mặt ông D nên ông D hoàn toàn không biết gì về số tiền giao dịch giữa bà và ông D, bà O chỉ đi lấy tiền về cho bà O theo sự chỉ đạo của bà O.

Bị đơn ông Ngô Thuận H trình bày:

Sáng ngày 26/10/2020, ông Hà Quốc D và bà Nguyễn Thị Kiều O có đến nhà ông la lối cho rằng vợ ông có vay tiền của họ, yêu cầu ông phải đứng ra giải quyết trả tiền cho họ lập tức, họ đến nhà ông gây rối, ông không biết gì hết nên ông đuổi họ ra khỏi nhà.

Sau đó, ông có hỏi vợ ông đầu đuôi câu chuyện, vợ ông có thừa nhận mượn tiền bà O 300.000.000 đồng vào năm 2018 nhưng trả hoài không hết, do nếu không trả lãi thì lãi biến thành tiền gốc và cho đến nay vợ ông đã trả cho bà O trên 01 tỷ đồng. Ông kêu vợ ông đưa giấy cho ông xem thì có giấy tính lãi suất lên đến 100%/tháng, vợ ông trình bày lãi 5.000 đồng/ ngày, 07%, 10%, có lãi lên đến mấy chục %/tháng, vợ ông không có tiền trả lãi thì bà O ép vợ ông ký biên nhận nợ lãi trở thành gốc, nếu vợ ông không ký thì quậy vợ ông, vì sĩ diện vợ ông lạng lẽ làm theo. Thời gian gần đây, vợ ông trả không nổi thì toàn bộ tiền lãi biến thành tiền gốc và tiếp tục tính lãi 03%/tháng. Bên cạnh đó phần nhận lãi nợ thì vợ ông ký với

bà O, khi vợ ông trả tiền thì ông D lấy, vợ ông hỏi biên nhận đâu thì ông D nói gửi sau do bà O đang họp không lấy được hoặc ông D đi công chuyện rồi ghé lấy tiền luôn biên nhận đem xuống sau, bà O không trả biên nhận lại cho vợ ông mà còn lấy ra uy hiếp vợ ông. Sự việc đó ông mới hay biết. Đối với số tiền 450.000.000 đồng do vợ ông chuyển cho vợ chồng bà O ông không có chuyển.

Ông yêu cầu Tòa án xác minh rõ sự việc, nếu vợ ông có thật sự thiếu bà O như bà O kiện thì vợ chồng ông chịu trách nhiệm trả nợ cho bà O.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 26/2022/DS-ST ngày 05/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang đã xét xử, quyết định:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Hà Quốc D và bà Nguyễn Thị Kiều O.

- Buộc ông Ngô Thuận H và bà Lê Thanh H1 phải có nghĩa vụ trả cho ông Hà Quốc D và bà Nguyễn Thị Kiều O số tiền 382.250.000 đồng.

- Tiếp tục phong tỏa các tài sản của vợ chồng bà H1, ông H để đảm bảo nghĩa vụ của vợ chồng ông bà. Kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật, nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án và Cơ quan Thi hành án ra quyết định thi hành án thì quyết định phong tỏa tài sản số 04/2020/QĐ-BPBD, ngày 06/11/2020 của Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang đối với số tiền 360.000.000 đồng trong tài khoản số 7702205004331 tại Ngân hàng N1 - chi nhánh huyện G, Kiên Giang II do bà Lê Thanh H1 đứng tên không còn hiệu lực. Bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR 162451, cấp ngày 30/7/2014 có diện tích 3.000m² thuộc thửa số 341, tờ bản đồ số 05, tọa lạc tại ấp C, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang được vợ chồng ông H, bà H1 nhận chuyển nhượng vào ngày 01/7/2016 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR 150915, cấp ngày 13/02/2015 có diện tích 5.016m² thuộc thửa số 340, tờ bản đồ số 05, tọa lạc tại ấp C, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang được vợ chồng ông H, bà H1 nhận chuyển nhượng vào ngày 01/7/2016, được bà H1 giao cho Tòa án giữ trong thời gian tiến hành tố tụng đang lưu trong hồ sơ vụ kiện nên Chi cục Thi hành án có quyền liên hệ với Tòa án nhận các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên để thi hành án khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Bác một phần yêu cầu khởi kiện của ông Hà Quốc D và bà Nguyễn Thị Kiều O đối với số tiền 298.730.000 đồng.

- Bị đơn ông Ngô Thuận H và bà Lê Thanh H1 có quyền kiện ông Hà Quốc D và bà Nguyễn Thị Kiều O đòi số tiền 150.000.000 đồng bằng một vụ kiện dân sự khác khi có yêu cầu.

Ngoài ra bản án còn quyết định về lãi suất chậm trả, án phí và báo quyền kháng cáo cho đương sự theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, nguyên đơn Hà Quốc D, bà Nguyễn Thị Kiều O có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm: Yêu cầu buộc vợ chồng ông H, bà H1 trả cho ông bà số tiền 70.000.000 đồng; cho vợ chồng ông bà được nhận số tiền 22.600.000 đồng; không khấu trừ số tiền 276.120.000 đồng bà H1 chuyển khoản

cho vợ chồng ông bà; không khấu trừ số tiền 30.800.000 đồng do Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng vợ chồng ông, bà thừa nhận bà **H1** trả lãi; không đồng ý biên bản ghi lời khai ngày 09/12/2020 của Tòa án nhân dân huyện Gò Quao đối với **Nguyễn Thị Kiều O** do nội dung bị chỉnh sửa; không đồng ý trả số tiền 2.400.000 đồng chi phí giám định cho bị đơn; yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm tính lãi theo quy định của pháp luật đối với 07 biên nhận mà vợ chồng ông bà khởi kiện.

Bị đơn bà **Lê Thanh H1**, ông **Ngô Thuận H** có đơn kháng cáo, đều yêu cầu sửa bản án sơ thẩm; bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Xem xét số tiền 150.000.000 đồng tiền lãi, nếu buộc vợ chồng ông bà trả số tiền 382.250.000 đồng thì khấu trừ số tiền 150.000.000 đồng; Hủy bỏ việc phong tỏa tài sản đối với 02 giấy chứng quyền sử dụng đất. Ông **H** không đồng ý có trách nhiệm liên đới cùng bà **H1** trả số tiền nợ theo quyết định của bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự có ý kiến trình bày như sau:

Phía nguyên đơn vẫn giữ nguyên nội dung khởi kiện, nội dung kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, cho rằng theo biên bản lấy lời khai ngày 09/12/2020 của Tòa cấp sơ thẩm có sửa chữa số tiền 25.600.000 đồng thành 22.600.000 đồng (BL 152), làm ảnh hưởng đến quyền lợi của nguyên đơn và đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Phía bị đơn bà **Lê Thanh H1** giữ nguyên nội dung kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án dân sự sơ thẩm.

Bị đơn ông **Ngô Thuận H** rút một phần nội dung kháng cáo, ông đồng ý cùng bà **H1** có trách nhiệm trả nợ cho ông **D**, bà **O**.

Luật sư bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bà **Lê Thanh H1** và ông **Ngô Thuận H** tranh luận cho rằng bị đơn đã trả cho vợ chồng bà **O**, ông **D** có giấy tờ giao dịch chuyển khoản và tiền mặt với số tiền 776.120.000 đồng, trong đó bị đơn thừa nhận trả 50.000.000 đồng là trả số tiền khác, tổng số tiền bị đơn trả cho nguyên đơn là 726.120.000 đồng. Do đó, bà **O** kiện theo các biên nhận yêu cầu bà trả số tiền 637.800.000 đồng, là không đúng sự thật. Đối với 07 biên nhận này thì bị đơn chỉ thừa nhận 75.000.000 đồng, có nhận 50.000.000 đồng tiền mặt và nợ 25.000.000 đồng tiền hui. Nguyên đơn không chứng minh được số tiền bị đơn chuyển khoản là tiền khác là tiền gì. Bị đơn chứng minh trả theo phương án dư nợ trả dần. Theo biên bản lấy lời khai ngày 09/12/2020 thì nguyên đơn cho rằng có sửa chữa, ảnh hưởng đến quyền lợi của nguyên đơn. Tuy nhiên, nhận thấy rằng không ảnh hưởng quyền lợi của nguyên đơn. Nguyên đơn không thừa nhận có ghi vào phương án lãi giảm dần 3%, nên bị đơn mới yêu cầu giám định, bản có 2 màu mực, màu mực đỏ, mực xanh, bị đơn chuyển khoản 17 lần, chuyển trong thời gian dài, do đó có thể khẳng định phương án lãi giảm dần 3% là do ý chí của các bên nên bị đơn đã trả theo phương án này là có căn cứ. Tòa án cấp sơ thẩm tính lãi 10% là đúng quy định của pháp luật. Bị đơn thừa nhận vay gốc số tiền 300.000.000 đồng của vợ chồng bà **O**, sau đó đã vay đáo hạn ngân hàng 450.000.000 đồng, chuyển khoản trả cho vợ chồng bà **O** số tiền 450.000.000 đồng, trong đó trả gốc 300.000.000 đồng, tiền lãi 150.000.000 đồng. Nhưng nguyên đơn cho rằng số tiền 150.000.000 đồng này là tiền bà **H1** cho vợ chồng bà **O** mượn là

bất hợp lý. Vì bị đơn đang khó khăn nên vay ngân hàng 450.000.000 đồng, khi vay được số tiền này rồi, lại cho nguyên đơn vay lại 150.000.000 đồng, nhưng bị đơn không chứng minh được đã trả 150.000.000 đồng là tiền lãi. Bị đơn khẳng định 150.000.000 đồng là tiền lãi yêu cầu được khấu trừ là có căn cứ.

Còn các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cấp sơ thẩm xem xét chưa thỏa đáng, vì đã phong tỏa số tiền 360.000.000 đồng, bản án sơ thẩm tuyên xử buộc ông H và bà H1 phải có nghĩa vụ trả cho ông D và bà O số tiền 382.250.000 đồng, còn 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đang phong tỏa có giá trị khoảng 800.000.000 đồng, là hơn 1.000.000.000 đồng, nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét trả lại 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà bị đơn đã giao nộp cho Tòa án cấp sơ thẩm để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và những người tham gia tố tụng trong vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm nghị án tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về hướng giải quyết vụ án: Chấp nhận một phần kháng cáo của ông D, bà O buộc bà H1, ông H trả số tiền 459.880.000 đồng và lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự; chấp nhận một phần kháng cáo của bà H1, ông H về hủy bỏ quyết định phong tỏa 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận một phần kháng cáo của bà O, ông D, chấp nhận một phần kháng cáo của bà H1, ông H; Đình chỉ một phần kháng cáo của ông H.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và công bố công khai tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ của nguyên đơn, bị đơn và người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Hội đồng xét xử xét nguyên đơn ông D, bà O đã cung cấp được các chứng cứ biên nhận vay tiền của bà H1 (Bút lục 07, 08, 09, 10, 12, 13). Biên nhận vay tiền ngày 09/11/2018 có bà H1 và ông H ký tên (BL 11). Vợ chồng ông D, bà O yêu cầu vợ chồng ông H, bà H1 trả số tiền gốc là 637.800.000 đồng, tính lãi suất 1%/tháng đối với từng biên nhận vay tiền tại bút lục 07, 08, 09, 10, 11, 12, 13. Riêng đối với biên nhận vay tiền ngày 01/9/2018, số tiền 200.000.000 đồng (BL 13), tính lãi suất tính 1%/tháng từ ngày 8/9/2018.

Phía bà H1 thừa nhận chữ ký trong các biên nhận do vợ chồng ông D, bà O cung cấp cho Tòa án là chữ ký của bà H1, nhưng tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm bà H1 chỉ thừa nhận nợ vợ chồng bà O số tiền gốc là 300.000.000 đồng. Bà đã trả cho vợ chồng bà O bằng tiền mặt không có giấy tờ là trên 300.000.000 đồng, người đi lấy tiền thường xuyên là ông Hà Quốc D, còn tiền bà trả cho bà O có giấy tờ giao dịch bằng cách chuyển khoản qua ngân hàng là 776.120.000 đồng. Tại phiên tòa sơ thẩm, bà H1 cho rằng trong 07 biên nhận bà O nộp cho Tòa án thì bà

thực nhận chỉ có 70.000.000 đồng, đó là 50.000.000 đồng vào ngày 09/11/2019 và 20.000.000 đồng vào ngày 16/10/2019 tiền hụi. Còn tại phiên tòa phúc thẩm, bà O lại cho rằng bà thực nhận chỉ có 75.000.000 đồng, đó là 50.000.000 đồng vào ngày 09/11/2019 và 25.000.000 đồng vào ngày 16/10/2019 tiền hụi. Các biên nhận tiền còn lại là lãi thành gốc và một số biên nhận đã thanh toán xong nhưng bà O không trả lại cho bà. Vì bà H1 cho rằng bà bị vợ chồng ông D, bà O đe dọa, ép buộc, do muốn gia đình yên ổn, vì sĩ diện, sợ bà O làm lớn chuyện sẽ mất mặt với những người xung quanh nên bà chấp nhận ký biên nhận, nhưng đây chỉ là lời khai từ một phía của bà H1 không được vợ chồng ông D, bà O thừa nhận, cũng như bà H1, ông H cũng không đưa ra được tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh việc bà H1 ký tên trong các biên nhận này là do bị bà O, ông D ép buộc....Ngày 18/7/2022 ông H, bà H1 có đơn kháng cáo yêu cầu xem xét lại đối với số tiền 150.000.000 đồng tiền lãi, nếu buộc vợ chồng bà trả số tiền 382.250.000 đồng cho nguyên đơn, thì phải cần trừ số tiền 150.000.000 đồng của vợ chồng bà.

Như vậy, theo khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 có quy định đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc. Do đó, tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, phía bà H1, ông H kháng cáo nhưng không đưa ra được chứng cứ mới chứng minh cho yêu cầu của mình là đúng đắn, lời khai của bà mâu thuẫn trước sau, trong khi 07 biên nhận của vợ chồng ông D, bà O với tổng số tiền 637.800.000 đồng được bà H1 thừa nhận các chữ ký trong 07 biên nhận này là của bà H1 và ông H thừa nhận chữ ký trong biên nhận ngày 09/11/2018 (BL 11) là của ông nên Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông D, bà O và không có cơ sở để xem xét kháng cáo của ông H, bà H1.

[2] Xét về phần lãi, các bên đương sự thống nhất hai bên có thỏa thuận lãi suất nhưng ông D, bà H1 cho rằng khi vay bà H1 có nói sẽ trả lãi cho vợ chồng ông D, bà O 3%/tháng và bà H1 đã trả tiền lãi nhiều lần bằng cách chuyển khoản qua ngân hàng với số tiền 30.800.000 đồng. Phía bà H1 cho rằng bà O tính lãi 1.000.000 đồng = 5.000 đồng/ngày, (cứ 7 đến 10 ngày thì bà O tính lãi một lần, nếu không có tiền trả thì ghi biên nhận), có biên nhận thì bà O tính lãi 7%/tháng, 10%/tháng ... có cả mấy chục %/tháng. Vì hai bên có tranh chấp về lãi suất nên Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015, tính lãi suất 10%/năm là có căn cứ. Do đó, cần phải tính lãi suất lại đối với từng biên nhận nợ cho phù hợp với quy định của pháp luật. Cụ thể như sau:

- Biên nhận 01 vay tiền ngày 01/9/2018 (BL 13), nguyên đơn yêu cầu tính lãi từ ngày 8/9/2018, do đó từ ngày 08/9/2019 đến ngày 05/7/2022 là 45 tháng 27 ngày x 200.000.000 đồng x 10%/năm = 76.500.000 đồng (Bảy mươi sáu triệu năm trăm nghìn đồng).

- Biên nhận 02 vay tiền ngày 14/10/2018. Từ ngày 14/10/2018 đến ngày 05/7/2022 là 44 tháng 21 ngày x 100.000.000 đồng x 10%/năm = 42.499.969 đồng, làm tròn 42.500.000 đồng (Bốn mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng).

- Biên nhận 03 vay tiền ngày 09/11/2018. Từ ngày 09/11/2018 đến ngày 05/7/2022 là 43 tháng 26 ngày x 200.000.000 đồng x 10%/năm = 73.111.068 đồng, làm tròn 73.111.000 đồng (Bảy mươi ba triệu một trăm mười một nghìn đồng).

- Biên nhận 04 vay tiền ngày 16/3/2019. Từ ngày 16/3/2019 đến ngày 05/7/2022 là 39 tháng 19 ngày x 70.000.000 đồng x 10%/năm = 23.119.423 đồng, làm tròn 23.119.000 đồng (Hai mươi ba triệu một trăm mười chín nghìn đồng).

- Biên nhận 05 vay tiền ngày 16/10/2019. Từ ngày 16/10/2019 đến ngày 05/7/2022 là 32 tháng 19 ngày x 25.000.000 đồng x 10%/năm = 6.798.592 đồng, làm tròn 6.799.000 đồng (Sáu triệu bảy trăm chín mươi chín nghìn đồng).

- Biên nhận 06 vay tiền ngày 29/11/2019. Từ ngày 29/11/2019 đến ngày 05/7/2022 là 31 tháng 06 ngày x 22.600.000 đồng x 10%/năm = 5.875.985 đồng, làm tròn 5.876.000 đồng (Năm triệu tám trăm bảy mươi sáu nghìn đồng).

- Biên nhận 07 vay tiền ngày 29/5/2020. Từ ngày 29/5/2020 đến ngày 05/7/2022 là 25 tháng 06 ngày x 22.200.000 đồng x 10%/năm = 4.241.991 đồng, làm tròn 4.242.000 đồng (Bốn triệu hai bốn hai nghìn đồng).

Tổng cộng số tiền lãi 232.147.000 đồng.

Xét bảng kê chuyển tiền cho Nguyễn Thị Kiều O và các giấy nộp tiền do bà H1 nộp cho Tòa cấp sơ thẩm từ bút lục 99 đến 109, 110, 112, 113 để giải trình cho số tiền bà H1 đã chuyển khoản cho bà O 202.920.000 đồng. Tại phiên tòa phúc thẩm, vợ chồng ông D, bà O cũng trình bày như bảng kê chi tiết đã nộp cho Tòa án ngày 12/4/2022 đối với số tiền này tại bút lục 272, 273, 274 và bà O thừa nhận bà H1 chuyển khoản trả lãi cho bà mỗi lần mấy triệu, tổng cộng bà O nhận chuyển khoản nhiều lần với số tiền lãi là 30.800.000 đồng, nhưng không liệt kê được các lần chuyển khoản nào là tiền lãi. Cũng không đồng ý khấu trừ tiền lãi 30.800.000 đồng cho vợ chồng ông H, bà H1.

Mặt khác, bà H1 có nhờ bà O tham gia dây hui của ông T, bà H1 sẽ đưa tiền cho bà O đóng tiền hui dùm bà H1, sau đó bà H1 hốt hui và có nhờ bà O đóng hui chết cho bà, sau đó bà H1 có chuyển khoản trả cho bà O số tiền hui là 25.000.000 đồng. Phía bị đơn bà H1 thừa nhận có nhờ bà O tham gia dây hui của ông T, bà đã hốt rồi và nhờ bà O đóng hui chết và bà có chuyển khoản trả cho bà O số tiền hui là 25.000.000 đồng. Như vậy, đối chiếu với biên nhận ngày 01/9/2018 (BL 275) và giấy nộp tiền 25.000.000 đồng (BL 110), Hội đồng xét xử xét thấy bà H1 đã chuyển khoản trả cho bà O số tiền 25.000.000 đồng là tiền bà H1 nhờ bà O đóng hui chết cho bà H1.

Còn lại số tiền 177.920.000 đồng bà H1 chuyển khoản cho bà O thì vợ chồng ông D, bà O không có tài liệu chứng cứ, chứng minh đây là khoản tiền khác không liên quan đến số tiền nợ vợ chồng ông D, bà O đang khởi kiện vợ chồng ông H, bà H1. Do đó, có căn cứ xem xét khấu trừ số tiền 177.920.000 đồng tiền lãi bà H1 đã chuyển khoản cho bà O thông qua tài khoản số 7702205002018 của bà Nguyễn Thị Kiều O tại Ngân hàng N1 chi nhánh huyện G, Kiên Giang II. Vì vậy, vợ chồng ông Ngô Thuận H và bà Lê Thanh H1 phải có trách nhiệm, nghĩa vụ trả cho vợ chồng ông D, bà O số tiền gốc 637.000.000 đồng và số tiền lãi là

54.227.000 đồng (232.147.000 đồng - 177.920.000 đồng). Tổng cộng số tiền gốc và lãi là 691.227.000 đồng.

[3] Xét Phương án lãi giảm dần 3% tại bút lục 95 do bà H1 cung cấp cho Tòa án, bà cho rằng bà đã trả số tiền gốc và lãi theo phương án giảm dần do bà với bà O đã thỏa thuận. Tuy nhiên, chỉ là lời khai từ một phía của bà H1, bà O không thừa nhận, bà O thừa nhận bà chỉ ghi ngày 28/4/2019 và ngày 28/04/2019 bằng mực xanh; ngày 29/5/2018 và ngày 28/6/2019 bằng mực đỏ, nhưng bà cho rằng đây chỉ là tờ giấy A4, chỉ là giấy nháp do bà ghi ra, nhưng giữa bà với bà O không thực hiện được, bà O cũng không có ký tên gì, do phía bà H1 tự làm, tự kê khai gửi cho Tòa án, lời trình bày của các đương sự mâu thuẫn trước sau, cũng không trùng khớp với phương án giảm dần 3% tại bút lục 95. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà H1 cũng không cung cấp được chứng cứ mới cho lời trình bày của mình là đúng sự thật. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào phương án lãi giảm dần 3% để khấu trừ số tiền gốc và lãi cho bà H1 là không có cơ sở. Nên HĐXX sửa phần này.

[4] Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn nộp cho Tòa án bằng kê chi tiết bút lục 272, 273, 274, nhưng chỉ là lời khai của phía bên vợ chồng ông D, bà O, còn phía bà H1, ông H không thừa nhận và phía ông D, bà O cũng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét, chấp nhận.

[5] Xét kháng cáo của ông H, bà H1 yêu cầu xem xét lại đối với số tiền 150.000.000 đồng tiền lãi, nếu buộc vợ chồng bà trả số tiền 382.250.000 đồng cho nguyên đơn, thì phải căn trừ số tiền 150.000.000 đồng của vợ chồng ông bà theo phiếu chi ngày 22/8/2018, do ông Ngô Thuận H chuyển khoản cho bà Nguyễn Thị Kiều O số tiền 450.000.000 đồng, trong đó, trả gốc số tiền 300.000.000 đồng và tiền lãi 150.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy, bà H1 cho rằng ở Tòa án cấp sơ thẩm, bà có làm đơn yêu cầu phản tố, nhưng khi Tòa án cấp sơ thẩm ban hành Thông báo nộp tiền tạm ứng án phí thì vợ chồng bà không có tiền để nộp nên Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm không xem xét. Phía ông D, bà O không thừa nhận số tiền 150.000.000 đồng là tiền lãi theo phiếu chi ngày 22/8/2018, ông Ngô Thuận H chuyển khoản cho bà Nguyễn Thị Kiều O số tiền 450.000.000 đồng, mà cho rằng số tiền 300.000.000 đồng này là tiền vợ chồng bà H1 trả của khoản vay khác đã tất toán xong, còn số tiền 150.000.000 đồng này là do vợ chồng bà H1 cho vợ chồng bà O mượn, vợ chồng bà cũng đã trả số tiền 150.000.000 đồng này cho vợ chồng bà H1 rồi, do đó số tiền 450.000.000 đồng này giữa vợ chồng bà O với vợ chồng bà H1 đã tất toán xong trước khi có 07 biên nhận mà vợ chồng bà O đang khởi kiện. Phía bà H1 và ông H không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh số tiền 150.000.000 đồng là tiền lãi vợ chồng bà H1 đã trả cho vợ chồng bà O, ông D nên Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông H, bà H1. Trường hợp bị đơn ông H, bà H1 có đầy đủ chứng cứ thì có quyền khởi kiện ông D, bà O đối với số tiền trên bằng một vụ kiện dân sự khác.

[6] Xét kháng cáo của ông H cho rằng ông không đồng ý cùng bà H1 có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền trên. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bà H1 vợ của ông H cho rằng bà vay tiền của vợ chồng bà O để lo kinh tế

cho gia đình và ông H cũng đồng ý cùng bà H1 có trách nhiệm trả số tiền nợ cho vợ chồng ông D, bà O và ông H rút kháng cáo đối với phần này nên Hội đồng xét xử cần đình chỉ phần kháng cáo này của ông H.

[7] Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm. Bà H1 cho rằng đối với biên nhận ngày 29/5/2020, bà đã trả tiền cho vợ chồng ông D, bà O xong và vợ chồng ông D, bà O không trả lại biên nhận cho bà nhưng vợ chồng ông D, bà O không thừa nhận. Bà H1 không có chứng cứ chứng minh nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét. Đối với các biên nhận ngày 07/9/2020 với số tiền 173.000.000 đồng và biên nhận ngày 23/10/2020 với số tiền 642.475.000 đồng bà H1 cho rằng bà O ép bà ký nhận nhưng bà không ký và bà không có chứng cứ gì chứng minh bị bà O ép ký và bà cũng không có yêu cầu gì đối với các biên nhận này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Đối với tài sản đảm bảo: Trong quá trình giải quyết ở cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm bà H1 đều trình bày, bà có tự nguyện giao nộp tài sản cho Tòa án cấp sơ thẩm để đảm bảo nghĩa vụ gồm:

Số tiền 360.000.000 đồng trong tài khoản số 7702205004331 do bà Lê Thanh H1 đứng tên tại Ngân hàng N1 - Chi nhánh huyện G, Kiên Giang II (đã được phong tỏa theo quyết định số 04/2020/QĐ-BPBD, ngày 06/11/2020 của Tòa án nhân dân huyện Gò Quao).

Bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR 162451, cấp ngày 30/7/2014 có diện tích 3.000m² thuộc thửa số 341, tờ bản đồ số 05, tọa lạc tại ấp C, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang được vợ chồng ông H, bà H1 nhận chuyển nhượng vào ngày 01/7/2016.

Bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR 150915, cấp ngày 13/02/2015 có diện tích 5.016m² thuộc thửa số 340, tờ bản đồ số 05, tọa lạc tại ấp C, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang được vợ chồng ông H, bà H1 nhận chuyển nhượng vào ngày 01/7/2016.

Nay ông H, bà H1 kháng cáo yêu cầu hủy việc phong tỏa tài sản đối với 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên và để cho ông bà được trực tiếp nhận lại 02 giấy gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này. Hội đồng xét xử xét thấy, đối với các tài sản này do bà H1 tự nguyện yêu cầu Tòa án cấp sơ thẩm phong tỏa để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ và các tài sản trên cũng là tài sản chung của vợ chồng ông H, bà H1 nên Hội đồng xét xử xét thấy cần tiếp tục phong tỏa các tài sản trên để đảm bảo nghĩa vụ của vợ chồng ông H, bà H1 nên không có cơ sở xem xét chấp nhận kháng cáo của ông H, bà H1.

Từ những nhận định nêu trên nên trong thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của ông D, bà O; chấp nhận một phần kháng cáo của ông H, bà H1; Đình chỉ một phần kháng cáo của ông H; chấp nhận một phần quan điểm tranh luận của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn; Chấp nhận một phần đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang và sửa bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

[9] Án phí dân sự sơ thẩm: Do Hội đồng xét xử sửa bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân Gò Quao, tỉnh Kiên Giang nên án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch được tính lại như sau:

Nguyên đơn ông Hà Quốc D, bà Nguyễn Thị Kiều O phải chịu án phí có giá ngạch đối với số tiền lãi không được chấp nhận: $877.900.000 \text{ đồng} - 691.227.000 \text{ đồng} = 186.673.000 \text{ đồng} \times 5\% = 9.333.650 \text{ đồng}$.

Ông Ngô Thuận H, bà Lê Thanh H1 phải chịu tiền án phí có giá ngạch đối với số tiền $691.227.000 \text{ đồng} = 20.000.000 \text{ đồng} + (4\% \times 291.227.000 \text{ đ}) = 20.000.000 \text{ đồng} + 11.649.000 \text{ đồng} = 31.649.000 \text{ đồng}$.

[10] Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Hà Quốc D, bà Nguyễn Thị Kiều O và ông Ngô Thuận H, bà Lê Thanh H1 không phải nộp 300.000 đồng do nội dung kháng cáo được chấp nhận một phần.

[11] Về chi phí tố tụng: Chi phí giám định số tiền 2.400.000 đồng. Do Hội đồng xét xử không căn cứ vào phương án lãi giảm dần 3% đã giám định để khấu trừ số tiền gốc và lãi cho bà H1, ông H nên ông Ngô Thuận H, bà Lê Thanh H1 phải chịu 2.400.000 đồng. Ông H và bà H1 đã nộp xong.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Áp dụng các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Áp dụng Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.
- Chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của ông Hà Quốc D, bà Nguyễn Thị Kiều O.
- Chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của ông Ngô Thuận H, bà Lê Thanh H1.
- Đình chỉ một phần kháng cáo của ông Ngô Thuận H, về việc ông H đồng ý cùng bà Lê Thanh H1 trả số tiền nợ cho ông D, bà O.
- Sửa bản án dân sự sơ thẩm 26/2022/DS-ST ngày 05/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông D, bà O.

Buộc ông Ngô Thuận H và bà Lê Thanh H1 cùng có trách nhiệm, nghĩa vụ trả cho ông Hà Quốc D, bà Nguyễn Thị Kiều O số tiền vay gốc và lãi 691.227.000 đồng (Sáu trăm chín mươi một triệu hai trăm hai mươi bảy nghìn đồng), trong đó số tiền gốc 637.000.000 đồng (Sáu trăm ba mươi bảy triệu đồng) và tiền lãi 54.227.000 đồng (Năm mươi bốn triệu hai trăm hai mươi bảy nghìn đồng).

2. Tiếp tục phong tỏa các tài sản của vợ chồng **Ngô Thuận H**, bà **Lê Thanh H1** để đảm bảo nghĩa vụ của vợ chồng **Hà Quốc D**, bà **Nguyễn Thị Kiều O**. Kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật, nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án và Cơ quan Thi hành án ra quyết định thi hành án thì quyết định phong tỏa tài sản số 04/2020/QĐ-BPBD, ngày 06/11/2020 của Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang đối với số tiền 360.000.000 đồng trong tài khoản số 7702205004331 tại **Ngân hàng N1 - chi nhánh huyện G, Kiên Giang** II do bà **Lê Thanh H1** đứng tên không còn hiệu lực.

Đối với bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR 162451, cấp ngày 30/7/2014 có diện tích 3.000m² thuộc thửa số 341, tờ bản đồ số 05, tọa lạc tại **ấp C, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang** được vợ chồng ông **H**, bà **H1** nhận chuyển nhượng vào ngày 01/7/2016 và bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR 150915, cấp ngày 13/02/2015 có diện tích 5.016m² thuộc thửa số 340, tờ bản đồ số 05, tọa lạc tại **ấp C, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang** được vợ chồng ông **H**, bà **H1** nhận chuyển nhượng vào ngày 01/7/2016, được bà **H1** tự nguyện giao cho Tòa án giữ trong thời gian tiến hành tố tụng đang lưu giữ trong hồ sơ vụ kiện nên Chi cục Thi hành án huyện Gò Quao có quyền liên hệ với Tòa án nhận các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên để thi hành án khi bản án có hiệu lực pháp luật.

3. Bác một phần yêu cầu khởi kiện của **Hà Quốc D**, bà **Nguyễn Thị Kiều O** đối với số tiền 186.673.000 đồng (Một trăm tám mươi sáu triệu sáu trăm bảy mươi ba nghìn đồng).

4. Bị đơn ông **Ngô Thuận H** và bà **Lê Thanh H1** có quyền kiện ông **Hà Quốc D** và bà **Nguyễn Thị Kiều O** đòi số tiền 150.000.000 (Một trăm năm mươi triệu đồng) bằng một vụ kiện dân sự khác khi có yêu cầu.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm:

5.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông **Hà Quốc D**, bà **Nguyễn Thị Kiều O** phải chịu án phí với số tiền là 9.333.650 đồng được khấu trừ vào 15.945.000 đồng tiền tạm ứng án phí ông **D** đã nộp theo biên lai thu 0009531 ngày 04/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang. Ông **D**, bà **O** được nhận lại số tiền 6.611.350 đồng, làm tròn 6.611.000 đồng (Sáu triệu sáu trăm mười một nghìn đồng) theo biên lai thu nêu trên.

Buộc ông **Ngô Thuận H** và bà **Lê Thanh H1** phải chịu tiền án phí với số tiền 31.649.000 đồng (Ba mươi một triệu sáu trăm bốn mươi chín nghìn đồng).

5.2. Án phí dân sự phúc thẩm:

- Hoàn trả cho ông **Ngô Thuận H** và bà **Lê Thanh H1** mỗi người tạm ứng án phí với số tiền là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) do bà **Lê Thanh H1** nộp, theo các biên lai thu tạm ứng án phí số 0009005 và 0009006 cùng ngày 18/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

- Hoàn trả cho ông **Hà Quốc D**, bà **Nguyễn Thị Kiều O** tạm ứng án phí với số tiền là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) do ông **Hà Quốc D** nộp, theo biên lai thu

tạm ứng án phí số 0009007 ngày 19/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

6. Về chi phí tố tụng: Chi phí giám định số tiền 2.400.000 đồng. Ông **Ngô Thuận H** và bà **Lê Thanh H1** phải chịu 2.400.000đ (Hai triệu bốn trăm nghìn đồng). Ông **H** và bà **H1** đã nộp xong.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm trả số tiền nêu trên, thì người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án số tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND huyện Gò Quao;
- THA dân sự huyện Gò Quao;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Thị Nhiên

